

Một số biện pháp nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của sinh viên ngành Giáo dục mầm non, Trường Cao Đẳng Sơn La

Vũ Thị Hoa*

* ThS. Khoa Cơ bản - Trường Cao đẳng Sơn La

Received: 30/11/2023; Accepted: 6/12/2023; Published: 14/12/2023

Abstract: In this article, I mention the current state of awareness of students' preschool education about scientific research activities. The results show that, the most of them are aware of the necessity of scientific research activities and the purpose of scientific research activities, but the proportion of students who did scientific research are too few. WE propose the following five measures: Raising awareness of the importance of educational research; Equipping students with scientific research theory; Fostering and improving scientific research capacity for students; Closely associate scientific research activities with students' learning, self-study and self-research activities; Create a favorable and motivating environment for students to do scientific research. The above measures have great significance in improving the scientific research capacity of students majoring in preschool education at Son La College.

Keywords: Scientific research, capacity, preschool education, students at Son La College.

1. Đặt vấn đề

Đất nước ta đang trong quá trình xây dựng sự nghiệp CNH, HDH đất nước, Hội nghị lần thứ IV BCH TƯ Đảng khóa VII đã giao cho ngành giáo dục nhiệm vụ: “Xác định lại mục tiêu, thiết kế lại chương trình, kế hoạch, nội dung, phương pháp GD&ĐT và đổi mới PPDH ở tất cả các cấp học, bậc học”. Với trách nhiệm nặng nề nhưng vô cùng quan trọng đó, Trường Cao đẳng Sơn La đã khẳng định lại mục tiêu của mình là đào tạo các nhà chuyên môn giỏi, có trình độ tri thức khoa học vững vàng, có khả năng tư duy năng động, sáng tạo để giải quyết các vấn đề mà thực tiễn đòi hỏi. Nhằm thực hiện mục tiêu đó, Trường CĐ Sơn La không ngừng tìm tòi các biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo, một trong những biện pháp quan trọng là nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học (NCKH) của sinh viên ngành Giáo dục MN (GDMN).

Bên cạnh việc học tập các học phần trong chương trình đào tạo chuyên nghiệp, tham gia thực hành, thực tập sư phạm tại các trường MN, SV MN còn tham gia vào HĐ NCKH(NCKH) là một trong những HĐ có ý nghĩa giúp SV bước đầu tiếp cận với quy trình nghiên cứu, đồng thời hình thành thói quen và rèn luyện các kỹ năng NCKH. Đó là cơ hội để rèn luyện kỹ năng mềm như kỹ năng viết bài, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lựa chọn đề tài, kỹ năng thu thập dữ liệu nghiên cứu, kỹ năng sử dụng các công cụ xử lý số liệu để phân tích đề tài... vận dụng những kiến

thức lí luận đã được học trên giảng đường, áp dụng vào thực tiễn, điều tra và đưa ra những nhận định của riêng mình thúc đẩy khả năng sáng tạo. SV tham gia NCKH không những mang lại rất nhiều lợi ích cho bản thân SV mà còn nâng cao hiệu quả và chất lượng đào tạo của nhà trường.

Thực tiễn cho thấy trong nhiều năm học qua, SV ngành GDMN, Trường CĐ Sơn La đã tham gia NCKH, đã có những đề tài được nghiệm thu mang ý nghĩa to lớn có giá trị về mặt lí luận và thực tiễn. Tuy nhiên tỷ lệ này vẫn còn rất thấp, năng lực NCKH của SV ngành GDMN còn nhiều hạn chế, gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, các biện pháp tổ chức chưa đạt được hiệu quả. Do đó, việc phát hiện thực trạng và đề xuất các biện pháp nâng cao năng lực NCKH cho SV ngành GDMN nói riêng và SV Trường CĐ Sơn La nói chung là cần thiết.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

2.1.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu, văn bản: Nghiên cứu những tài liệu, văn bản có liên quan đến đề tài

2.1.2. Phương pháp quan sát: Mục đích: nhằm thu thập thông tin, tài liệu cụ thể và sinh động, khách quan về thực trạng NCKH của SV ngành GDMN, Trường CĐ Sơn La.

2.1.3. Phương pháp phỏng vấn sâu: Chúng tôi sử dụng 5 câu hỏi phỏng vấn sâu để thu thập thông tin. Mục đích: thu thập ý kiến hỗ trợ cho phương pháp

điều tra bằng bảng hỏi.

2.1.4 Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi: được sử dụng chủ yếu để thu thập thông tin của vấn đề nghiên cứu. Mục đích nhằm thu thập thông tin về thực trạng NCKH giáo dục của SV ngành GDMN, Trường CĐ Sơn La.

Trong quá trình điều tra, khách thể nghiên cứu khi đưa ra các câu trả lời trong phiếu điều tra không bị ảnh hưởng, tác động từ bên ngoài. Tiến hành điều tra 90 SV MN K58 trong thời gian học kỳ I từ 31/7/2023 đến 10/11/2023.

2.2. Kết quả và thảo luận

2.2.1. Thực trạng nhận thức về HĐ NCKH của SV ngành GDMN, Trường CĐ Sơn La.

Kết quả cụ thể thu được như sau:

Bảng 2.1: Nhận thức của SV ngành GDMN, Trường CĐ Sơn La về sự cần thiết của HĐ NCKH

Mức độ	Số lượng	%
Rất cần thiết	25	27,7
Cần thiết	58	64,4
Không cần thiết	07	7,7

Với câu hỏi đánh giá về sự cần thiết của HĐ NCKH đối với SV ngành GDMN Trong câu hỏi này, chúng tôi thấy rằng phần lớn SV đã nhận thức được sự cần thiết của HĐ NCKH với 25 SV chiếm tỷ lệ 27,7% cho rằng rất cần thiết, 58 SV chiếm 64,4% cho rằng cần thiết; bên cạnh đó có đến 07 SV chiếm 7,7% cho rằng đây là HĐ không cần thiết, dù chiếm tỷ lệ chưa đến 10% nhưng đây cũng là điều cần phải chú ý giúp SV nhận thức đúng đắn về sự cần thiết tham gia HĐ NCKH.

Chúng tôi có hỏi SV về mục đích của HĐ NCKH là gì? Hầu hết SV đều đưa ra những lựa chọn hợp lý như: Phát triển kỹ năng mềm: Lựa chọn đề tài, thuyết trình, kỹ năng thu thập dữ liệu nghiên cứu, kỹ năng sử dụng các công cụ xử lý số liệu để phân tích đề tài (71 SV chiếm 78,8%) ; Phát huy tính năng động, sáng tạo, hình thành năng lực tự học, tự nghiên cứu (62 SV chiếm 68,8%); Nâng cao cCLĐT và khả năng NCKH của SV ngành GDMN(70 SV chiếm 77,7%) ; Tích lũy kinh nghiệm cho SV, nâng cao cơ hội việc làm (46 SV chiếm 51,1%); Gắn lý thuyết với thực hành, lí luận với thực tiễn (42 SV chiếm 46,6%). Tuy nhiên, khi được hỏi về việc đã tham gia hoặc có dự định tham gia NCKH trong thời gian tới mới chỉ có (11 SV chiếm 12,2%). Qua số liệu trên, cho thấy tỷ lệ SV đã tham gia NCKH của ngành GDMN còn quá ít. Tôi có một câu hỏi định tính để làm rõ nguyên nhân SV cảm thấy băn khoăn, hoặc không muốn tham gia

NCKH, chúng tôi nhận được những phản hồi tập trung vào các ý lớn sau: (1). Không có thời gian; (2) Không biết bắt đầu từ đâu; (3) Nghĩ NCKH khó, bản thân không có khả năng; (4). Muốn tập trung vào các học phần khác; (5). Chưa hứng thú với HĐ NCKH.

Chúng tôi cũng hỏi về mong muốn sẽ được hỗ trợ gì khi tham gia HĐ NCKH học, SV tập trung các mong muốn: (1). Hiểu rõ hơn về ích lợi của HĐ NCKH; (2). Được định hướng làm NCKH cụ thể, chi tiết; (3). Được cung cấp các tài liệu liên quan để có thể nghiên cứu, (4). Được hỗ trợ về kinh phí; (5). Được giảng viên hướng dẫn khi tham gia NCKH;

Từ kết quả nghiên cứu trên, cho thấy SV sự phạm nói chung thường gặp những khó khăn trong quá trình NCKH do chưa nắm vững phương pháp nghiên cứu, thiếu tính tích cực và chủ động nghiên cứu, thiếu nguồn tư liệu trong quá trình nghiên cứu, yếu các kỹ năng nghiên cứu.

Có một thực trạng chung của SV ngành GDMN là tham gia NCKH chủ yếu ở SV năm thứ 3 và các sản phẩm của đề tài NCKH tính ứng dụng còn thấp, đặc biệt năng lực NCKH còn hạn chế. Thực tế, trong quá trình học tập tại Trường, SV cũng được trang bị những kiến thức, kỹ năng làm NCKH thông qua học phần Phương pháp NCKH chuyên ngành GDMN, được yêu cầu thực hành làm các bài tập tiểu luận, chuẩn bị các chủ đề xêmina trong các học phần cũng như dự các buổi xêmina khoa học của các giảng viên chuyên ngành. Nhưng do ảnh hưởng nhiều yếu tố từ chủ quan và khách quan nên phần lớn SV ngành GDMN còn hạn chế năng lực NCKH và chưa thật sự tích cực chủ động khi thực hiện quá trình nghiên cứu.

2.2.2. Một số biện pháp nâng cao năng lực NCKH

*** Biện pháp 1: Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của NCKH.**

Mục đích: Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của NCKH.

Nội dung: Nâng cao nhận thức đúng đắn cho SV về tầm quan trọng, lợi ích khi tham gia HĐ NCKH thông qua các HĐ tuyên truyền, phong trào khuyến khích SV tham gia NCKH ngay từ năm đầu tiên vào trường. Trên cơ sở đó, sẽ hình thành động lực, tạo ra hứng thú đối với hoạt HĐ NCKH của SV.

*** Biện pháp 2: Trang bị cho SV lí luận về NCKH.**

Mục đích: Trang bị cho SV lí luận về NCKH là cơ sở để SV rèn kỹ năng NCKH

Nội dung: Học phần phương pháp NCKH của SV chuyên ngành GDMN cần được tăng thời lượng giúp SV hiểu biết sâu hơn về lí luận, có thời gian để thực hành, rèn luyện kỹ năng NCKH. Giảng viên hướng

dẫn cho SV trong việc định hướng nghiên cứu, quá trình xác định vấn đề nghiên cứu và các bước tiến hành một công trình NCKH.

** Biện pháp 3: Bồi dưỡng nâng cao năng lực NCKH cho SV.*

Mục đích: Bồi dưỡng nâng cao năng lực NCKH cho SV.

Nội dung: HĐ NCKH đòi hỏi những kiến thức và kỹ năng, vì vậy cần phải bồi dưỡng nâng cao kiến thức và kỹ năng cho SV, trong đó tập trung vận dụng phương pháp luận và phương pháp NCKH; rèn kỹ năng nghiên cứu khoa học như: xác định đề tài nghiên cứu, xây dựng đề cương nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu, phân tích-xử lý-bình luận, viết công trình và bảo vệ công trình, đánh giá một công trình NCKH. Bên cạnh đó cần tổ chức các HĐ để SV có cơ hội trải nghiệm sáng tạo, rèn luyện và khẳng định năng lực NCKH của bản thân dưới các hình thức phong phú như:

- Tổ chức tọa đàm, trao đổi kinh nghiệm NCKH nhằm mục đích tạo môi trường cởi mở, trao đổi và học hỏi lẫn nhau trong NCKH;

- Giao nhiệm vụ có phân công giúp đỡ, kiểm tra, giám sát: Các bài tập lớn trong khi học chuyên ngành; tham gia làm đề tài trong nhóm SV (hoặc cùng các giảng viên);

- Khuyến khích SV tham gia viết bài cho Kỷ yếu Hội thảo, Tạp chí khoa học; tham gia Hội thảo NCKH.

** Biện pháp 4: Gắn chặt HĐ NCKH với HĐ học tập, tự học, tự nghiên cứu của SV.*

Mục đích: Gắn chặt HĐ NCKH với HĐ học tập, tự học, tự nghiên cứu học của SV. Qua đó giúp SV thấy được mối quan hệ giữa hai HĐ này.

Nội dung: Học tập và NCKH là hai nhiệm vụ cơ bản của SV các trường đại học, cao đẳng. Hai HĐ này không thể tách rời với nhau. Còn học tập còn phải nghiên cứu; học tập và nghiên cứu vừa là kết quả vừa là điều kiện để giúp nhau cùng phát triển.

Bên cạnh đó, để HĐ học tập và NCKH có hiệu quả SV phải phát huy năng lực tự học, năng lực tư duy sáng tạo, tự nghiên cứu nhằm mở mang kiến thức, cập nhật thông tin, khai thác thông tin, hình thành ý tưởng mới. Để tiến hành NCKH đạt kết quả, SV cần phải có một số điều kiện: trình độ nhận thức khoa học, năng lực HĐ thực tiễn, lòng say mê tìm tòi sáng tạo. Đồng thời SV cũng cần phải được rèn luyện để hình thành những phẩm chất của người làm công tác nghiên cứu, như sự kiên trì, bền bỉ, chịu khó vượt qua những thử thách, khó khăn thậm chí mạo hiểm trên con đường khám phá tri thức.

** Biện pháp 5: Tạo môi trường thuận lợi và động lực cho SV NCKH.*

Mục đích: Để kích thích, tạo hứng thú cho SV tham gia NCKH.

Nội dung biện pháp:

- Tăng cường đầu tư thư viện hiện đại, với tài liệu học tập phong phú và không gian thuận lợi để SV tự học, tự nghiên cứu.

- Tạo được phong trào SV NCKH, với nhiều hình thức tổ chức để thu hút SV vào HĐ này: thành lập các câu lạc bộ SV NCKH, tổ chức các xêmina khoa học, báo cáo chuyên đề khoa học; tổ chức các nhóm SV NCKH theo chuyên ngành, tạo điều kiện cho SV tham gia đề tài cùng các giảng viên,... để SV có cơ hội làm quen, tập dượt và trải nghiệm HĐ NCKH.

- Tạo động lực để SV tham gia NCKH cần có những chính sách riêng về thi đua khen thưởng để khuyến khích động viên SV.

- Yếu tố có ý nghĩa quan trọng đối với kết quả NCKH của SV đó là phát huy tốt vai trò của giảng viên trong việc định hướng, tư vấn, hướng dẫn, giúp đỡ, kiểm tra, đánh giá, ghi nhận sự tiến bộ của SV.

3. Kết luận

Kết quả khảo sát thực trạng NCKH của SV ngành GDMN trường CĐ Sơn La đã cho thấy phần lớn SV đều nhận thức đúng đắn về sự cần thiết của HĐ NCKH cũng như lợi ích của nó. SV được trang bị lý luận về NCKH thông qua học môn học Phương pháp NCKH. Tuy nhiên, tỷ lệ SV ngành MN tham gia NCKH là rất thấp, vẫn còn SV chưa coi trọng HĐ NCKH. Nhiều SV vẫn quan niệm: nhiệm vụ chính của mình là học tập, không NCKH cũng không sao. Vì vậy, 5 biện pháp đề xuất góp phần nâng cao năng lực NCKH của SV ngành GDMN, Trường CĐ Sơn La.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành TƯ Đảng (1993), *Nghị quyết số 04-NQ/HNTW Hội nghị lần thứ tư BCHTW Đảng (Khóa VII) về một số nhiệm vụ văn hoá, văn nghệ những năm trước mắt, ngày 14/01/1993*. Hà Nội

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2000), *Quyết định số 08/2000/QĐ BGD & ĐT ban hành Quy chế NCKH của SV các trường đại học và cao đẳng*. Hà Nội

3. Chu Văn Khánh. (2011). Mục đích và lợi ích của SV NCKH. Trường Đại học Văn hoá Hà Nội.

4. Đặng Thị Ngọc Phượng. (2016). *Nâng cao năng lực NCKH cho SV khoa GDMN trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế*. Tạp Chí GD, 373, 32-34.

5. Lê Mạnh Hùng (2021), *Nâng cao năng lực NCKH của giảng viên các trường đại học công lập tại Hà Nội*, Tạp chí Công thương.